

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST

Ngày: 18/6/2024.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Bùi Tân Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Lệ Nga
2. Bà Chung Kim Sang.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố R G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R G tham dự phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố R G xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 60/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim C**, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 5/20, đường A C, phường V L, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Thị Hồng Ng**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 125A, đường N T T, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án dân sự đề ngày 27/02/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim C trình bày: Bà C và bà Ng là bạn bè với nhau do có thời gian cùng làm việc chung với nhau.

Vào ngày 28/02/2022 bà Ng có vay của bà C số tiền gốc là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), để khám bệnh, việc vay tiền hai bên có làm biên nhận, có bà Ng ký tên xác nhận, hai bên thỏa thuận lãi suất miệng 7%/tháng, bà Ng cam kết khi

nào bà C cần thì sẽ thanh toán đầy đủ gốc và lãi. Tuy nhiên, sau khi đến kỳ trả lãi và gốc, bà C nhiều lần yêu cầu nhưng bà Ng không trả, điện thoại không nghe máy, có tình trốn tránh việc trả nợ.

Sau đó, bà C gửi đơn yêu cầu đến nơi làm việc của bà Ng ở Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Kiên Giang. Tại buổi làm việc ngày 15/11/2022 bà Ng cam kết mỗi tháng trả 2.000.000 đồng, trả trong vòng 12 tháng. Đến ngày 27/12/2022 thì bà Ng trả số tiền 2.000.000 đồng, tại thời điểm này hai bên xác lập lại biên nhận mới ghi ngày 27/12/2022; sau đó mỗi tháng bà Ng tiếp tục trả 2.000.000 đồng, trả được 10 tháng là 20.000.000 đồng, đến ngày 27/11/2023 bà Ng trả thêm 1.000.000 đồng, tổng cộng là 23.000.000 đồng, thì ngưng trả cho đến nay. Nhiều lần bà C yêu cầu thì bà Ng chỉ hứa hẹn rồi có tình trốn tránh không có thiện chí trả nợ. Do đó, bà C khởi kiện đến Tòa án thành phố R G.

Bà C xác định tại buổi làm việc tại Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Kiên Giang ngày 15/11/2022, bà C có nói rõ là cho bà Ng trả mỗi tháng 02 triệu tiền gốc, nếu bà Ng vi phạm thì phải trả lãi 11 tháng trước đó với số tiền lãi là 38.500.000 đồng (theo mức lãi suất 7%/tháng).

- **Tại phiên tòa bà C yêu cầu:** Yêu cầu bà Thị Hồng Ng phải trả số tiền nợ gốc là 27.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể: Tiền lãi từ ngày vay là 28/02/2022 đến ngày 27/12/2022 (là ngày bà Ng trả nợ gốc 2.000.000 đồng) trên số nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/11/2023 (là ngày bà Ng trả được tổng cộng tiền gốc là 23.000.000 đồng) đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với khoản thời gian từ ngày 28/12/2022 đến ngày 26/11/2023 là khoản thời gian bà Ng trả dần mỗi tháng thì không yêu cầu. Ngoài ra, bà C không có yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn bà Thị Hồng Ng trình bày:* Bà Ng thừa nhận có vay của bà C tổng cộng số tiền 50.000.000 đồng theo các biên nhận ngày 28/02/2022 và ngày 27/12/2022 là đúng sự thật. Tuy nhiên, số tiền trên bà Ng vay nhiều lần, của nhiều khoản nợ khác nhau, trong đó có nợ vay, nợ hui và tiền lãi của tiền vay, tiền nợ hui trước đó, nhưng khi viết biên nhận thì bà C yêu cầu bà Ng xác định là số tiền gốc là 50.000.000 đồng. Bà Ng không có chứng cứ, chứng minh cho nội dung đã trình bày nêu trên, chỉ trình bày đúng nội dung thực tế đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng không nêu trên mà không yêu cầu xem xét. Đối với số tiền vay trên thì tại buổi làm việc ở Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên Môi trường Kiên Giang ngày 15/11/2022, bà C và bà Ng đã thống nhất, mỗi tháng bà Ng trả 01 triệu và cơ quan hỗ trợ bà Ng mỗi tháng 01 triệu, tổng cộng là 02 triệu. Số tiền trả dần này sẽ được trừ vào số tiền gốc.

Bà Ng đã trả được tổng cộng 23.000.000 đồng tiền gốc và còn nợ lại 27.000.000 tiền gốc theo như bà C trình bày là đúng sự thật.

- **Tại phiên tòa bị đơn bà Thị Hồng Ng yêu cầu:** Bà Ng thừa nhận còn nợ bà C số tiền gốc là 27.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn bà C yêu cầu bị đơn bà Ng phải trả số tiền gốc đã nhận là 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Căn cứ **khoản 3 Điều 26** của Bộ luật tố tụng dân sự, tranh chấp giữa các bên được xác định là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Ng hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số 125A, đường N T T, phường R S, thành phố R G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R G, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về phạm vi khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện ngày 27/02/2024, nguyên đơn bà C yêu cầu bà Ng phải trả số tiền nợ gốc là 27.000.000 đồng và lãi suất 11 tháng, theo mức lãi suất 7%/tháng là 38.500.000 đồng. Tổng cộng là 65.500.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định yêu cầu khởi kiện cuối cùng là chỉ yêu cầu bà Ng phải trả số tiền nợ gốc là 27.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, cụ thể: Khoản lãi từ ngày 28/02/2022 cho đến ngày 27/12/2022 trên số nợ gốc 50.000.000 đồng và khoản tiền lãi từ ngày 27/11/2023 (là ngày bà Ng trả được số tiền 23.000.000 đồng) đến ngày 18/6/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), ngoài ra bà C không có yêu cầu gì khác. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà C không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C. Trong vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Không có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.* Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn bà C yêu cầu bị đơn bà Ng phải trả số tiền vay vốn gốc 27.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, việc bà Ng vay tiền của bà C, các bên có lập biên nhận và cùng ký tên xác nhận; biên nhận thể hiện rõ cụ thể số tiền vay, lãi suất và phương thức trả nợ. Giao dịch vay tiền mà các bên đã thực hiện là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức

xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản, bà Ng đã nhận được tiền vay thì phải có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, bà Ng thừa nhận và đồng ý trả cho bà C số tiền vay vốn gốc là 27.000.000 đồng, hai bên chỉ không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng về nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ 27.000.000 đồng.

[4] Về tiền lãi: Tại biên nhận ngày 28/02/2022, thể hiện: bà Ng có vay của bà C số tiền gốc 50.000.000 đồng, lãi 7%/tháng; lãi 01 tháng 3.500.000 đồng. Do đó, giao dịch vay tiền giữa bà C và bà Ng được xác định là hợp đồng vay có kỳ hạn, có thỏa thuận về lãi suất. Bà Ng còn phải có nghĩa vụ trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Đối với mức lãi suất 7%/tháng mà các bên thỏa thuận, theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, thì *Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Do đó, mức lãi suất 7% vượt quá quy định nêu trên sẽ không có hiệu lực.* Bà Ng phải trả lãi theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng) tương ứng với thời hạn vay chưa trả lãi trên nợ gốc, cụ thể:

+ Từ ngày 29/02/2022 đến ngày 27/12/2022, trên số tiền 50.000.000 đồng là: 09 tháng 28 ngày x 1,66%/tháng = 8.244.667 đồng.

+ Từ ngày 27/11/2023 đến ngày 18/6/2024 (ngày xét xử sơ thẩm), trên số tiền gốc 27.000.000 đồng là: 06 tháng 21 ngày x 1,66%/tháng = 3.002.940 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là: 11.247.607đ (Mười một triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ bảy đồng).

[5] Từ những nhận định nêu trên, trong phần nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà C. Buộc bà Ng có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền gốc là 27.000.000 đồng và tiền lãi là 11.247.607 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 38.247.607đ (Ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Đối với đề nghị của bị đơn bà Ng xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không tính lãi. Đề nghị trên không được phía nguyên đơn bà C đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Về điều kiện và khả năng thanh toán của bà Ng sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn bà Ng phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà C là 38.247.607 đồng, được tính như sau: 38.247.607 đồng x 5% = 1.912.380 đồng. Như vậy, bà phải nộp án phí số tiền là 1.912.380đ (Một triệu chín trăm mười hai ngàn ba trăm tám mươi đồng).

+ Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà C số tiền 1.625.000đ (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006162, ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao;

Áp dụng Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim C đối với bị đơn bà Thị Hồng Ng, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Thị Hồng Ng phải trả cho bà Nguyễn Kim C số tiền gốc là 27.000.000 đồng, tiền lãi là 11.247.607 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 38.247.607đ (Ba mươi tám triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bị đơn bà Thị Hồng Ng phải nộp án phí số tiền là 1.912.380đ (Một triệu chín trăm mười hai ngàn ba trăm tám mươi đồng).

+ Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà C số tiền 1.625.000đ (Một triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006162, ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R G.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. R G;
- THA DS TP. R G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Tấn Nghĩa